

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 9 - 2023.
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hai.
- Bà Nguyễn Thị Nhân.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 137A/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn - không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Đường N, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê Long H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số C, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H có tìm hiểu nhau vài tháng thì về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2019, nhưng không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chị T và anh H chung sống hạnh

phúc cho đến thời gian gần đây từ năm 2022 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh **H** không lo xây dựng gia đình mà chỉ lo ăn chơi, rượu chè. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gia đình không còn vui vẻ hạnh phúc. Hiện chị **T** và anh **H** không còn chung sống với nhau từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Chị **T** nhận thấy tình cảm với anh **H** không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, hòa giải nên chị **T** yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh **H**.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị **T** xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh **Lê Long H vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến:** Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, anh **H** cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là anh **Lê Long H** không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T**. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Nguyễn Thị Thanh T** và anh **Lê Long H**.

Về con chung, về chia tài sản chung và về nợ chung: Do chị **T** xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị Thanh T** khởi kiện yêu cầu ly hôn anh **Lê Long H** là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quá trình tham gia tố tụng: Bị đơn là anh **Lê Long H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thanh T** và anh **Lê Long H** chung sống như vợ chồng từ năm 2019, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. N, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 đến nay, chị **T** và anh **H** phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị **T** và anh **H** đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị **T** và anh **H** không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa chị **T** và anh **H** đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, không còn thương yêu, quan tâm lo lắng cho nhau. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị **T** và anh **H** đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về phía anh **H** đã biết được việc chị **T** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh **H**, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị **T**, không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, anh **H** đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bản thân anh **H** cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị **T** nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận chị **T** và anh **H** là vợ chồng.

- Về con chung, về chia tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị **T** xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Nguyễn Thị Thanh T** và anh **Lê Long H**.

2. Về con chung, về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: chị **Nguyễn Thị Thanh T** nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị **T** đã nộp ngày 31/5/2023 theo biên lai thu số 0015216 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- **Chi cục T**;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

Võ Thanh Thùy

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

***Nơi nhận:* Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

Trần Quốc Danh